

Chương :

CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH TRUNG GIAN

Tài chính tiền tệ

Chương : Các định chế tài chính trung gian

1. Khái niệm và đặc điểm định chế tài chính trung gian

1.1. Khái niệm

1.2. Đặc điểm

1.3. Phân loại

2. Vai trò của các định chế tài chính trung gian

2.1. Chu chuyển vốn

2.2. Khắc phục tình trạng thông tin bất cân xứng trên TTTC

2.3. Góp phần làm giảm chi phí xã hội

2.4. Nâng cao hiệu quả và điều kiện sống

3. Một số định chế tài chính trung gian chủ yếu

3.1. Các định chế ngân hàng

3.2. Các định chế phi ngân hàng

KHÁI NIỆM

◆ Định chế tài chính

- ✓ Thể chế “ràng buộc” các hoạt động tài chính
- ✓ Các tổ chức tài chính chính thức
- ✓ Cung cấp các dịch vụ tài chính cho xã hội

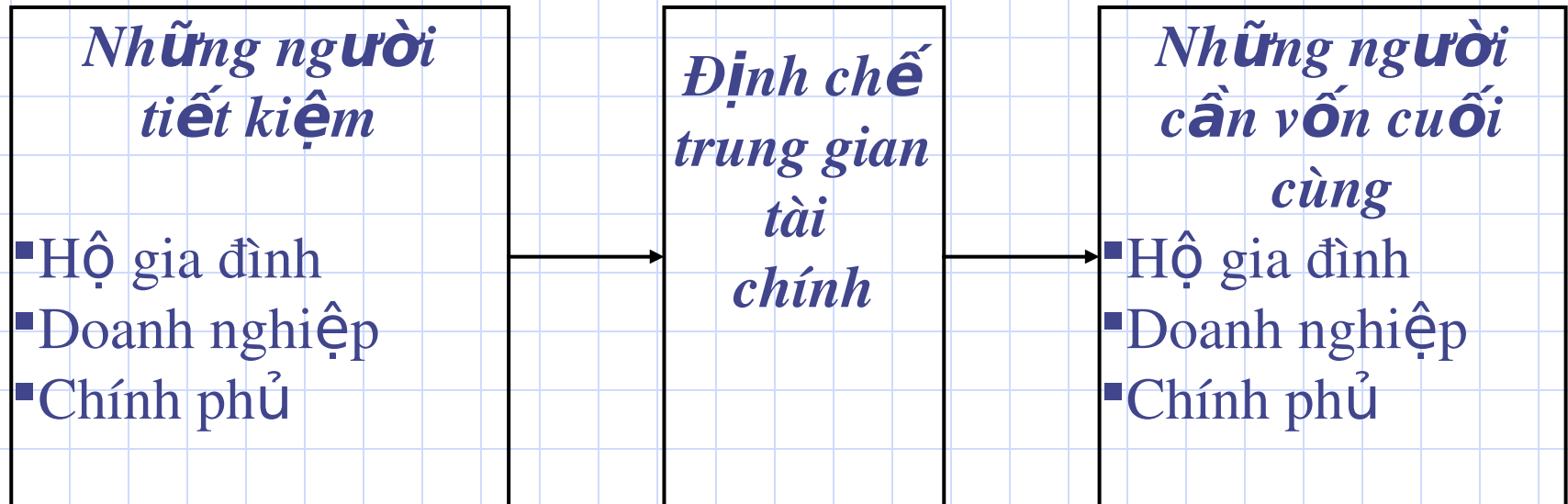
◆ Trung gian tài chính

- ✓ Định chế, cá nhân thực hiện chức năng “trung gian” trong bối cảnh tài chính

KHÁI NIỆM ĐCTCTG

1.1. Khái niệm:

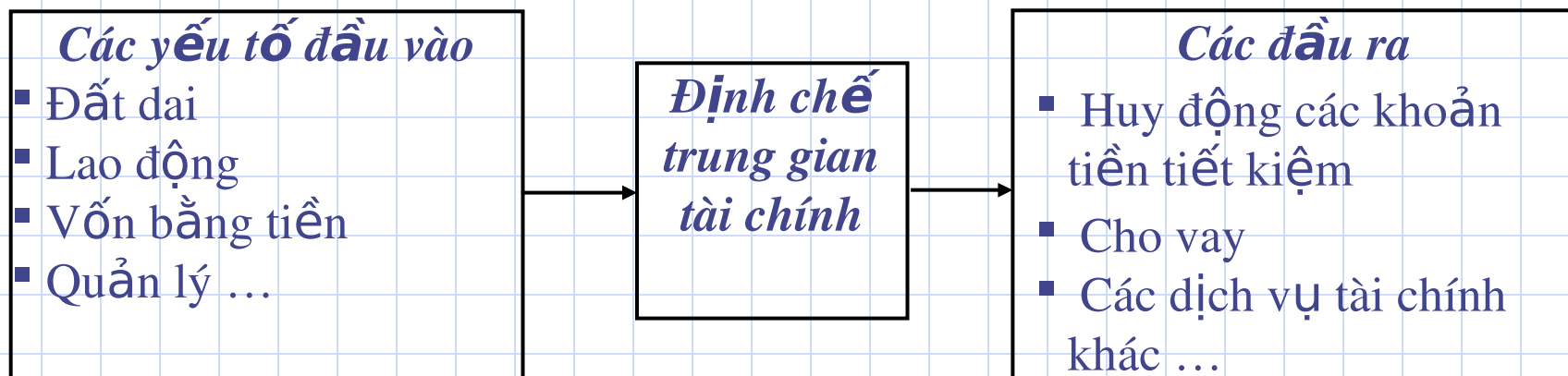
Các định chế trung gian tài chính là những tổ chức thực hiện huy động nguồn tiền của những người tiết kiệm cuối cùng và sau đó cung cấp cho những người cần vốn cuối cùng.



ĐẶC ĐIỂM ĐC.TCTG

◆ Về hình thức kinh doanh

Các định chế trung gian tài chính là các cơ sở kinh doanh tiền tệ và giấy tờ có giá được tổ chức và hoạt động để đạt những mục đích sinh lợi nhất định



ĐẶC ĐIỂM ĐC.TCTG (tt)

- ◆ Tiến trình tạo ra các sản phẩm đầu ra của các trung gian tài chính gồm 2 giai đoạn:
 - ✓ Huy động tiền tiết kiệm từ những người thừa vốn
 - ✓ Chuyển số vốn tiết kiệm này cho những người cần vốn cuối cùng

ĐẶC ĐIỂM ĐC.TCTG (tt)

- Về phương thức luân chuyển vốn:
vốn vận động quá trình kinh doanh của các TGTC vận hành theo công thức $T - T'$ mà không có sự xuất hiện của hàng hóa.
- Các định chế trung gian tài chính đảm nhận những hoạt động trung gian như sau:
 - ✓ Trung gian mệnh giá: hiện huy động các khoản tiền tiết kiệm có quy mô nhỏ tập trung thành quỹ cho vay có quy mô lớn để tài trợ cho những người cần vốn
 - ✓ Trung gian rủi ro ngẫu định: phát hành những loại chứng khoán thứ cấp tương đối an toàn và để lưu hoạt để thu hút tiền tiết kiệm của những người không chấp nhận rủi ro, đồng thời các định chế trung gian tài chính lại chấp nhận những chứng khoán sơ cấp có rủi ro cao do những người cần vốn phát hành

ĐẶC ĐIỂM ĐC.TCTG (tt)

- ✓ Trung gian kỳ hạn: huy động những khoản tiền tiết kiệm có những thời hạn khác nhau, sau đó chuyển hóa tài trợ cho những người cần vốn với những kỳ hạn cũng khác nhau.
- ✓ Trung gian thanh khoản: các định chế trung gian tài chính có thể chuyển đổi các loại chứng khoán lưu hoạt thành tiền.
- ✓ Trung gian thông tin: cung cấp thông tin và đánh giá khả năng của người cần vốn cuối cùng để đánh giá và đặt vốn đầu tư một cách có hiệu quả.

PHÂN LOẠI CÁC ĐỊNH CHẾ TRUNG GIAN TÀI CHÍNH

◆ Căn cứ vào đặc điểm hoạt động

- ✓ Ngân hàng thương mại.
- ✓ Các loại quỹ tiết kiệm
- ✓ Các quỹ tín dụng
- ✓ Các công ty bảo hiểm
- ✓ Các công ty tài chính.
- ✓ Các loại quỹ hỗ trợ
- ✓ Các công ty chứng khoán

◆ Căn cứ vào mức độ thực hiện chức năng trung gian

- ✓ Các định chế nhận tiền gửi
- ✓ Các định chế tiết kiệm theo hợp đồng
- ✓ Các loại quỹ đầu tư/quỹ hỗ trợ

PHÂN LOẠI CÁC ĐỊNH CHẾ TRUNG GIAN TÀI CHÍNH

- ◆ Căn cứ vào mục đích hoạt động:
 - ✓ Các trung gian tài chính kinh doanh
 - ✓ Các trung gian tài chính vì mục đích xã hội
- ◆ Các trung gian tài chính ở Việt Nam:
 - ✓ Các tổ chức tín dụng:
 - ◆ Các NHTM
 - ◆ Tổ chức tín dụng hợp tác
 - ◆ Công ty tài chính
 - ◆ Công ty cho thuê tài chính
 - ◆ Các quỹ hỗ trợ đầu tư của nhà nước
 - ◆ Các quỹ đầu tư và quỹ hỗ trợ
 - ◆ Công ty chứng khoán
 - ✓ Công ty bảo hiểm

VAI TRÒ CỦA CÁC ĐỊNH CHẾ TRUNG GIAN TÀI CHÍNH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

- ◆ Chu chuyển các nguồn vốn
 - ✓ Kênh huy động vốn đầu tư ở trong nước
 - ✓ Kênh huy động vốn từ nước ngoài
 - ◆ Khắc phục tình trạng thông tin bất cân xứng trên thị trường tài chính

Một tiến trình giao dịch vốn, đối với nhà đầu tư tức là người cần vốn bao giờ cũng nắm rõ thông tin về mức độ rủi ro và tỷ suất sinh lời của dự án đầu tư mà anh ta đang tiến hành hơn là người cung cấp vốn. Vấn đề này còn gọi là thông tin bất cân xứng.
- Với sự xuất hiện của TGTC giải quyết được 2 vấn đề
- ✓ Lựa chọn đối nghịch, xảy ra trước khi giao dịch vốn người cần vốn có khuynh hướng đưa ra mức lãi suất huy động vốn rất cao, người cung cấp vốn có lẽ cũng không sẵn lòng cung cấp vốn vì chưa biết rõ.

VAI TRÒ (tt)

- ✓ Rủi ro đạo đức khi thực hiện giao dịch vốn. Người đi vay có khuynh hướng sử dụng số vốn vay đầu tư vào những dự án có lãi suất cao hơn nhưng lại có nhiều rủi ro tiềm năng. Người cho vay không có đủ khả năng để giám sát những hoạt động của người đi vay sau khi đã cung cấp vốn.

Sự tồn tại của các định chế trung gian tài chính giải quyết vấn đề thông tin bất cân xứng và hai vấn đề liên đới là lựa chọn đối nghịch và rủi ro đạo đức do tính chuyên môn hóa trong việc đánh giá rủi ro tiềm năng.



VAI TRÒ (tt)

- ◆ Các trung gian tài chính có tín chuyên nghiệp hoá trong kinh doanh nên:
 - ✓ Phát hành các công cụ giao dịch rủi ro thấp nhưng lợi nhuận thỏa đáng cho người tiết kiệm
 - ✓ Có khả năng đánh giá năng lực người đi vay. Đưa ra những ràng buộc đối với người đi vay để đảm bảo an toàn đối với vốn cho vay.

VAI TRÒ CỦA CÁC ĐỊNH CHẾ TRUNG GIAN TÀI CHÍNH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

◆ **Góp phần giảm chi phí giao dịch của xã hội**

- ✓ Chi phí giao dịch vốn
- ✓ Chi phí thông tin

◆ ***Góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và tiêu chuẩn cuộc sống xã hội***

- ✓ Lợi ích đối với người tiết kiệm
 - ◆ Khả năng sinh lời vốn tiết kiệm
 - ◆ Thu nhập gia tăng
- ✓ Lợi ích đối với người vay vốn
 - ◆ Thỏa mãn nhu cầu vốn đầu tư
 - ◆ Mở rộng sản xuất
 - ◆ Đảm bảo việc làm cho người lao động

3. Một số định chế tài chính trung gian chủ yếu

3.1. Các định chế ngân hàng

Là những TGTC mà hoạt động chủ yếu và thường xuyên là huy động vốn qua phương thức nhận tiền gửi khách hàng sau đó phân phối lại vốn chủ yếu là cấp tín dụng cho vay. Tiêu biểu cho loại hình này là:

- ◆ Ngân hàng thương mại
- ◆ Các loại hình ngân hàng xã hội
- ◆ Các ngân hàng tiết kiệm tương trợ khác.

Trong phần này chủ yếu giới thiệu loại hình tiêu biểu là ngân hàng thương mại.

Ngân hàng thương mại

1. Khái niệm và chức năng NHTM

- Là một tổ chức tín dụng thực hiện toàn bộ các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan, nhằm mục đích lợi nhuận.
- Chức năng của NHTM, các chức năng cơ bản sau:
 - ◆ Chức năng trung gian tín dụng
 - ◆ Chức năng trung gian thanh toán
 - ◆ Chức năng tạo tiền bút tệ

Ngân hàng thương mại

2. Các nghiệp vụ chủ yếu của NHTM

Gắn liền với việc tạo ra các danh mục tài sản nguồn vốn ngân hàng và tài sản nợ của MHTM, theo nguyên tắc

$$\text{Tổng tài sản có} = \text{Tổng nguồn vốn NH} + \text{Tổng tài sản nợ}$$

Bảng tổng kết tài sản NHTM

Tài sản có		Tài sản nợ	
- Tiền mặt và tiền gửi tại các NH	2.300	- Các loại tiền gửi	17.583
- Tiền gửi tại NHTW	425	- Tiền gửi không kỳ hạn	3.831
- Chứng khoán đầu tư	3.002	- Tiền gửi có kỳ hạn	10.918
- Chứng khoán giao dịch trên TTTT	96	- Tiền gửi trên TTTT	1.965
- Tổng số cho vay	15.412	- Các khoản vay	3.189
Dự phòng tổn thất tín dụng	(232)	Vay NHTW	1.836
- Tài trợ thuê mua	150	Vay NH khác	1.353
- Thiết bị và bất động sản	363	- Nội khác	534
- Nợ của khách hàng theo thương phiếu chấp nhận thanh toán	111	Toảng nợ	21.306
		- Vốn chủ sở hữu	1.280
		Cơ cấu thông + ous ñã ñi	213
		Lợi nhuận	601
		Các quỹ	466

Các nghiệp vụ chủ yếu của NHTM

Nghiệp vụ tạo nguồn vốn

- Nguồn vốn sở hữu NH
 - ◆ Vốn điều lệ khi thành lập
 - ◆ Các quỹ NH
 - ◆ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

- Tài sản nợ NH
 - ◆ Nguồn vốn huy động tiền gửi
 - ◆ Nguồn vốn vay
 - ◆ Nguồn vốn khác

Các nghiệp vụ chủ yếu của NHTM

Nghiệp vụ sử dụng vốn

Khi NH mới thành lập

◆ Mua sắm TSCĐ và các phương tiện phục vụ kinh doanh NH

- Trong quá trình kinh doanh

◆ Nghiệp vụ ngân quỹ

◆ Nghiệp vụ tín dụng

◆ Nghiệp vụ đầu tư

◆ nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

◆

Các nghiệp vụ chủ yếu của NHTM

Nghiệp vụ trung gian

Ngân hàng với vai trò là thủ quỹ của khách hàng, theo sự ủy nhiệm thực hiện các nghiệp vụ trung gian như

◆ Trung gian thanh toán

- ✓ Ủy nhiệm thu
- ✓ Ủy nhiệm chi
- ✓ Chuyển tiền
- ✓ Các dịch vụ hỗ trợ thương mại khác
- ✓ ...

◆ Trung gian tài chính

- ✓ Tư vấn tài chính
- ✓ Môi giới chứng khoán
- ✓ Bảo lãnh phát hành
- ✓ Lưu ký chứng khoán
- ✓ Tiếp nhận và quản trị các nguồn vốn đầu tư
- ✓ ...

Nghiệp vụ kinh doanh quốc tế

- ◆ Thị trường tiền tệ (thị trường ngoại hối)
- ◆ Thị trường vốn quốc tế

Thu nhập và phân phối thu nhập NH

Thu nhập của bao gồm:

- ◆ Nguồn thu từ lãi cho vay
- ◆ Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư tài chính
- ◆ Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối
- ◆

Chi phí hoạt động kinh doanh của ngân hàng

- ◆ Chi phí trả lãi tiền vay
- ◆ Chi phí cho các hoạt động đầu tư tài chính
- ◆ Dự phòng tổn thất ro rủi
- ◆ Các khoản chi phí thường xuyên phát sinh trong quá trình kinh doanh
 - ✓ Khấu hao TSCĐ
 - ✓ Chi phí nhân viên
 - ✓ Chi phí quản lý kinh doanh
 - ✓ Các khoản chi phí bằng tiền khác
 - ✓

Thu nhập và phân phối thu nhập NH

- **Lợi nhuận trong kỳ được xác định theo công thức**

Tổng thu nhập – Tổng chi phí

- **Phân phối lợi nhuận này được thực hiện theo trình tự:**

✂ Nộp thuế thu nhập theo quy định

Lợi nhuận – Thuế = Lợi nhuận sau thuế

◆ Trích bù đắp các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ để bảo toàn vốn

◆ Trích lập các quỹ chuyên dùng

✓ Quỹ dự phòng hạn chế rủi ro

✓ Quỹ bổ sung vốn điều lệ

✓ Quỹ phúc lợi khen thưởng

✓ Và các quỹ chuyên dùng khác

◆ Chia lãi liên doanh, chia cổ tức, nộp NSNN

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh NH

Tỷ lệ về hiệu suất sử dụng vốn

$$\frac{\text{Toản thunhaä} | \text{töhoaitoäng} = \frac{\text{Thunhaäpö} | \text{Toãntgĩaü} + \frac{\text{Thunhaäpgoaiböi} | \text{Toãntgĩaün}}$$

Tỷ lệ tài sản sinh lời

$$\frac{\text{Tyüebĩaü} | \text{sinhlôø} = \frac{\text{Toãntgĩaüsinhlôø} | \text{Toãntgĩaün} + \frac{\text{Caükhoaümovay caükhoaümo} | \text{thueãñaätöchöün} | \text{Toãntgĩaün}}$$

Các chỉ số chủ yếu phản ánh khả năng sinh lời trong hoạt động NH

$$\frac{\text{Tyüebhunhaäpeã} | \text{toãntgĩaün} = \frac{\text{Thunhaäpauthueã} | \text{Toãntgĩaün}}{\text{(ROA)}}$$

$$\frac{\text{Tyüebhunhaäpeã} | \text{voárhúsôthöõ} = \frac{\text{Thunhaäpauthueã} | \text{Voárhúsôthöõ}}{\text{(ROE)}}$$

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh NH

Tỷ lệ thu nhập trên tài sản

$$\text{Tỷ lệ thu nhập trên tài sản} = \frac{\text{Thu nhập trước chi phí lãi} - \text{Chi phí lãi}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng tài sản

$$\text{Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng tài sản} = \frac{\text{Thu nhập ngoài lãi} - \text{Chi phí ngoài lãi}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh NH



Tỷ lệ thu nhập hoạt động cận biên

$$\text{Tỷ lệ thu nhập hoạt động cận biên} = \frac{\text{Toàn bộ thu nhập hoạt động} - \text{Toàn bộ chi phí hoạt động}}{\text{Toàn bộ sản phẩm}}$$

Tỷ lệ thu nhập hoạt động cận biên

$$\text{Tỷ lệ thu nhập hoạt động cận biên} = \frac{\text{Thu nhập thuần} - \text{Chi phí biến đổi}}{\text{Toàn bộ sản phẩm}}$$

3. Một số định chế tài chính trung gian chủ yếu

3.2. Các định chế tài chính phi ngân hàng

- ✓ Quỹ tín dụng
- ✓ Công ty bảo hiểm
- ✓ Công ty tài chính
- ✓ Công ty đầu tư
- ✓ Công ty chứng khoán

Hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính này gắn với các hợp đồng tiết kiệm có điều kiện hoặc phát hành chứng chỉ huy động vốn hoặc chứng chỉ góp vốn từ các nhà tiết kiệm đầu tư, không qua hình thức huy động tiền gửi không kỳ hạn hay tiền gửi tiết kiệm như ngân hàng. Phân phối sử dụng vốn chủ yếu qua hình thức đầu tư tài chính và cho vay có kỳ hạn. Nghiệp vụ trung gian thanh toán các định chế tài chính này không thực hiện được.

Quỹ tín dụng

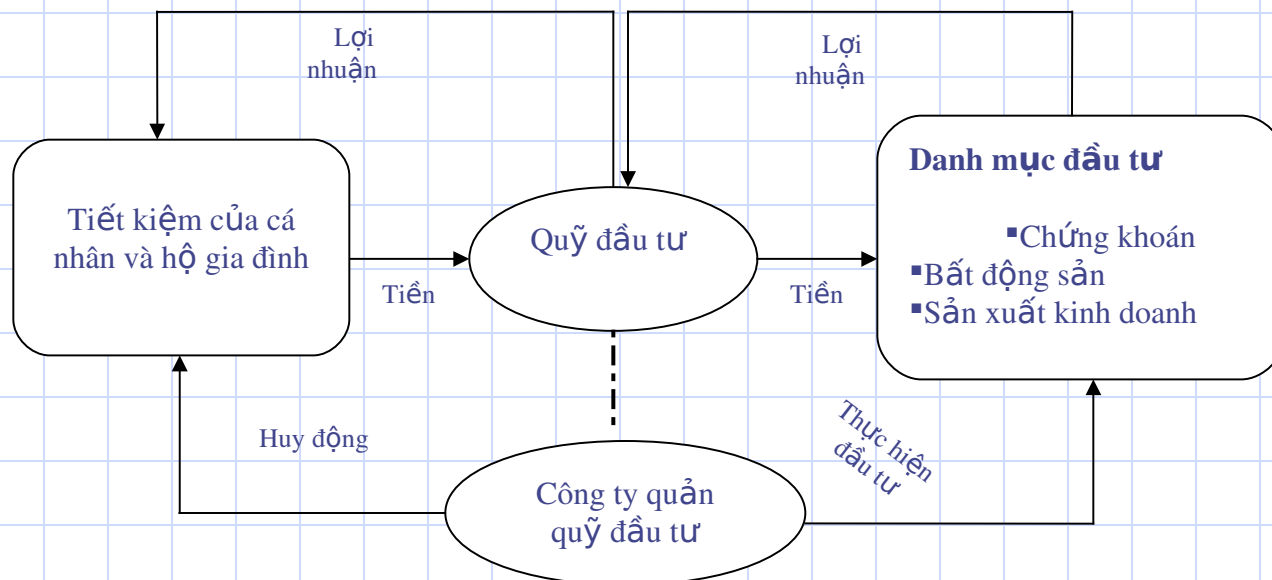
- ◆ Định chế tài chính thuộc sở hữu tập thể
- ◆ Huy động vốn qua hình thức nhận tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành các loại chứng khoán nợ...
- ◆ Cấp tín dụng cho các thành viên góp vốn, các tổ chức cá nhân ...

Công ty tài chính

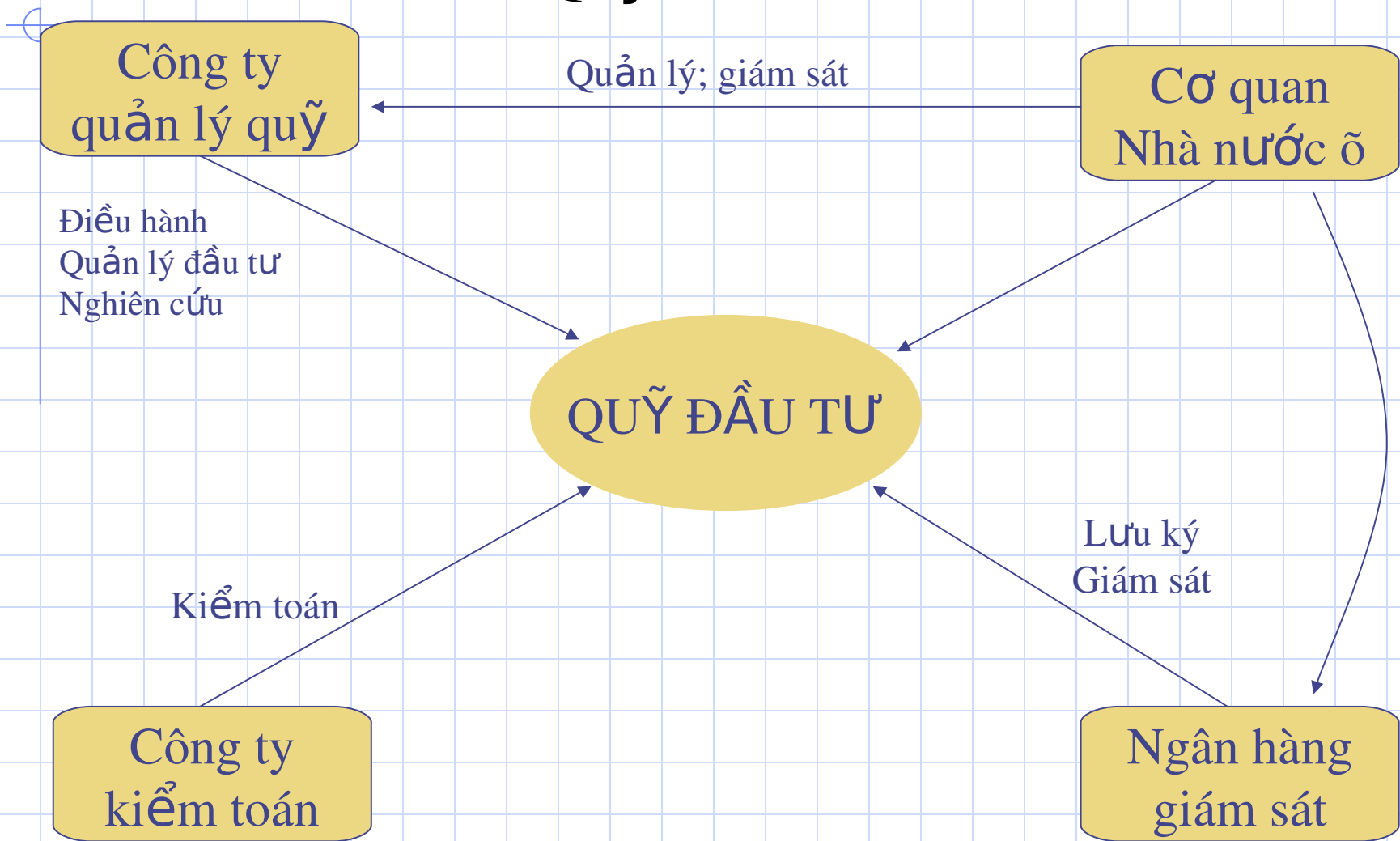
- ◆ Công ty tài chính là một trung gian tài chính, hoạt động chủ yếu là cho vay và tài trợ các dự án đầu tư phát triển.
- ◆ Khác với ngân hàng thương mại, công ty tài chính không được nhận tiền gửi thường xuyên dưới dạng tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng không thực hiện các nghiệp vụ trung gian thanh toán
- ◆ Các loại công ty tài chính
 - ✓ Công ty tài chính bán hàng (*Sales finance company*): thuộc sở hữu bởi một công ty chế biến hay bán lẻ và cung cấp những khoản tín dụng cho người tiêu dùng để mua hàng của công ty đó.
 - ✓ Công ty tài chính tiêu dùng (*Consumer finance company*): chuyên cung cấp các khoản tín dụng cho người tiêu dùng để mua những vật dụng.
 - ✓ Công ty tài chính kinh doanh (*Business finance company*): cung cấp các hình thức tín dụng đặc biệt cho những hoạt động kinh doanh bằng việc mua các khoản nợ hoặc các giấy tờ có giá

Quỹ đầu tư

- ◆ Quỹ đầu tư là trung gian tài chính thực hiện huy động vốn từ các nhà đầu tư cá nhân thông qua phát hành chứng chỉ góp vốn đầu tư để đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu, tiền tệ, hay các danh mục tài sản khác.
- ◆ Công ty quản lý quỹ và cơ chế giám sát



Quỹ đầu tư



Quỹ đầu tư



Danh mục đầu tư của Quỹ :

- ✓ Đầu tư trực tiếp vào doanh nghiệp
- ✓ Đầu tư vào thị trường chứng khoán



Các loại quỹ đầu tư:

- ✓ *Quỹ đầu tư dạng đóng*: theo điều lệ qui định thường chỉ tạo vốn qua một lần bán chứng khoán cho công chúng.
- ✓ *Quỹ đầu tư dạng mở* : phát hành thêm những cổ phiếu mới để tăng vốn và cũng sẵn sàng mua lại những cổ phiếu đã phát hành.

Công ty bảo hiểm

- ◆ Hoạt động chủ yếu nhằm bảo vệ tài chính cho những người có hợp đồng bảo hiểm về những rủi ro thuộc trách nhiệm bảo hiểm trên cơ sở người này phải trả một khoản tiền phí bảo hiểm.
 - ✓ Bảo hiểm tài sản
 - ✓ Bảo hiểm nhân thọ
- ◆ Phát triển bảo hiểm → phát triển công nghệ phòng chống rủi ro.
- ◆ Danh mục đầu tư của bảo hiểm
 - ✓ Chứng khoán chính phủ
 - ✓ Trái phiếu công ty
 - ✓ Cổ phiếu
 - ✓ Đầu tư trực tiếp vào bất động sản
 - ✓ Thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính khác.